

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2019/DS-PT

Ngày: 07/3/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, ông Y Phi K Buôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2018/TLPT-DS ngày 26/12/2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DSST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐPT-DS, ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C (C1) – sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn H

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2016 và 2017 bà T cho bà Nguyễn Thị C vay 03

lần với tổng số tiền là 185.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 06/6/2016, bà T cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 65.000.000 đồng với mức lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 0,7%/tháng, hạn đến ngày 30/11/2017 trả.

Ngày 09/01/2017 bà C vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 1%/tháng, hạn đến ngày 30/11/2017.

Ngày 27/02/2017 bà C vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất nhưng bà T không nhớ là bao nhiêu, thời hạn vay là 01 tháng, đến ngày 27/3/2017 bà C đã trả đủ số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh cho bà T nên bà T không khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng này. Hiện nay bà C còn nợ của bà T 165.000.000 đồng tiền vay gốc và khoản tiền nợ lãi suất phát sinh từ ngày 27/3/2017. Số tiền này mặc dù đã quá hạn trả nợ bà T đã nhiều lần đến đòi nhưng bà C, ông H không chịu trả nợ cho bà T. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà T số tiền gốc 165.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo như thỏa thuận từ ngày 28/3/2017.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C và bà Nguyễn Thị T có mối quan hệ chị em ruột. Trong năm 2016 và 2017 bà C vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 185.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 06/6/2016 bà C viết giấy vay của bà Nguyễn Thị T với số tiền là 65.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 0.7%/tháng, hạn đến ngày 30/11/2017 trả và bà C là người ký xác nhận dưới mục người vay Nguyễn Thị C trong sổ bà T, tuy nhiên nguồn gốc số tiền 65.000.000 đồng này là bà C mua đất của bà T từ năm 2015 còn nợ. Sau đó đến ngày 06/6/2016 bà C đồng ý chuyển qua viết thành giấy vay tiền và trả tiền lãi suất cho bà T. Thực tế bà C không trực tiếp vay tiền mặt của bà T vào ngày 06/6/2016.

Ngày 09/01/2017 bà C vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 01%/tháng, mục đích vay là để chăn nuôi heo và hạn đến ngày 30/11/2017 trả toàn bộ số tiền vay gốc và lãi suất.

Ngày 27/02/2017 bà C nhờ bà T vay dùm số tiền 20.000.000 đồng để mua nghé với lãi suất 600.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay là 01 tháng. Đến ngày 27/3/2017 bà C đã trả đủ tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của số tiền này. Như vậy, tính đến ngày 27/3/2017 bà C còn nợ bà T số tiền 165.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh từ ngày 27/3/2017. Trong ngày 27/3/2017 do gia đình bà C nuôi heo bị bệnh không có khả năng trả tiền vay gốc và lãi phát sinh nên bà C và bà T thỏa thuận bằng lời nói là bà C chuyển nhượng lại diện tích đất mà bà C đã nhận chuyển nhượng của bà T từ

năm 2015 (không có hợp đồng chuyển nhượng và đất vẫn còn đứng tên bà T) để khấu trừ 165.000.000 đồng tiền nợ gốc thì bà T đồng ý. Đến ngày 11/4/2017 âm lịch (tức ngày 06/5/2017) bà T đã thuê người đến rào lại diện tích đất trên và để bảng bán đất. Việc bà C đã trả lại diện tích đất mà bà C nhận chuyển nhượng từ bà T năm 2015 không có ai làm chứng và cũng không có giấy tờ gì. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền 165.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 28/3/2017, bà C đồng ý trả lại cho bà T số tiền gốc và lãi với điều kiện bà T phải thừa nhận vào năm 2017 bà C có bán lại diện tích đất 750m² mà bà C nhận chuyển nhượng từ bà T năm 2015 để khấu trừ số tiền 135.000.000 đồng tiền gốc, số tiền 30.000.000 đồng vay gốc thì bà đồng ý trả cả gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DSST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 194.148.500 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng và tiền lãi suất là 29.148.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc kháng cáo của bà Nguyễn Thị C là trong hạn luật định và có nội dung ứng án phí là hợp lệ nên cần chấp nhận.

Nội dung kháng cáo của bà C cho rằng nguồn gốc số tiền 65.000.000 đồng này là bà C nhận chuyển nhượng đất của bà T từ năm 2015 còn nợ. Sau đó đến ngày 06/6/2016 bà C đồng ý chuyển qua viết thành giấy vay tiền và trả tiền lãi suất cho bà T. Thực tế bà C không trực tiếp vay tiền mặt của bà T vào ngày 06/6/2016. Trong ngày 27/3/2017 do gia đình bà C nuôi heo bị bệnh không có khả năng trả tiền vay gốc và lãi phát sinh nên bà C và bà T thỏa thuận bằng lời nói là bà C chuyển nhượng lại diện tích đất mà bà C đã nhận chuyển nhượng của bà T từ năm 2015 (không có hợp đồng chuyển nhượng và đất vẫn còn đứng tên bà T) để khấu trừ 165.000.000 đồng tiền nợ gốc thì bà T đồng ý. Đến ngày 11/4/2017 âm lịch (tức ngày 06/5/2017) bà T đã thuê người đến rào lại diện tích đất trên và để bảng bán đất. Việc bà C đã trả lại diện tích đất mà bà C nhận chuyển nhượng từ bà T năm 2015 không có ai làm chứng và cũng không có giấy tờ gì. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền 165.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 28/3/2017, bà C đồng ý trả lại cho bà T số tiền gốc và lãi với điều kiện bà T phải thừa nhận vào năm 2017 bà C có chuyển nhượng lại diện tích đất 750m² mà bà C nhận chuyển nhượng từ bà T năm 2015 để khấu trừ số tiền 135.000.000 đồng tiền gốc, số tiền 30.000.000 đồng vay gốc thì bà đồng ý trả cả gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Lời khai này của bà C thì bà C cũng không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh và bà T cũng không thừa nhận lời khai này của bà C. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C làm trong thời hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C, hội đồng xét xử xét thấy:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị C đều thừa nhận việc có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền là 165.000.000 đồng và lãi suất và thừa nhận chứng cứ do bà T xuất trình đề khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị C cho rằng trong số tiền 165.000.000 đồng vay của bà T thì số tiền 65.000.000 đồng là do bà C nhận chuyển nhượng đất của bà T năm 2015 còn nợ. Sau đó, đến ngày 06/6/2016 bà đồng ý chuyển thành giấy vay tiền và lãi suất, trên thực tế bà không trực tiếp vay tiền của bà T. Đến ngày 27/3/2017, do chăn nuôi gặp khó khăn nên bà và bà T thỏa thuận cấn trừ nợ bằng lô đất 750m² mà bà đã nhận chuyển nhượng từ bà T năm 2015 – cấn

trừ số tiền 135.000.000 đồng, bà C cho rằng bà chỉ còn nợ bà T 30.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai này của bà C thì bà T hoàn toàn không đồng ý và bà T khẳng định khoản tiền này hoàn toàn là tiền vay, không có bất kỳ khoản tiền nào là tiền chuyển nhượng đất. Việc chuyển nhượng đất bà T chỉ hứa là chuyển nhượng sau khi bà C trả hết khoản nợ trên, chứ thực tế các bên chưa hề có giao dịch nào liên quan đến việc chuyển nhượng cả. Việc bà C xuất trình chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là nội dung việc ghi âm, qua quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà T đều thừa nhận giọng nói trong cuộc ghi âm là giọng nói của bà T. Tuy nhiên, xuyên suốt cuộc hội thoại này cũng không thể hiện nội dung nào về việc bà T thừa nhận các bên chuyển nhượng đất cho nhau, hay nội dung cản trở nợ bằng việc chuyển nhượng đất qua lại giữa bà T và bà C. Vì vậy chứng cứ này cũng không chứng minh cho lời khai của bà C.

Xét lời khai của bà C cho rằng việc chuyển nhượng đất giữa bà và bà T cũng như việc chuyển nhượng đất qua lại giữa các bên là vì tình cảm chị em tin tưởng nhau nên không làm giấy tờ gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, lời khai này cũng không phù hợp với thực tế khách quan và các tình tiết, chứng cứ thể hiện trong nội dung vụ án. Bởi lẽ: Việc vay tiền giữa bà T và bà C thì cả 03 lần giao dịch đều thể hiện bằng giấy vay tiền có ký nhận của bà C là bên vay. Và cả trong 03 lần vay này thì nội dung cũng không có bất kỳ nội dung nào thể hiện là cản trở tiền chuyển nhượng đất cả.

Từ những phân trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị C là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C - giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 194.148.500 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng và tiền lãi suất là 29.148.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị C phải chịu 9.707.425 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001679 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009594 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn